

Có lẽ vấn đề kinh tế thế giới nóng bỏng được mọi người quan tâm nhiều nhất trong hai tháng qua là cuộc khủng hoảng tài chính như đã được báo trước ở Thái Lan và ảnh hưởng của nó đến một loạt các nước khác trong khu vực.

Bắt đầu bằng sự trì trệ từ cuối năm 95, bước qua năm 96, nền kinh tế Thái Lan đã ở bên bờ của cuộc khủng hoảng (Về những nguyên nhân và biểu hiện của sự sa sút đó có thể đọc thêm *Phát triển kinh tế* số 76). Bài viết này chủ yếu nhằm phân tích cuộc khủng hoảng tài chính của Thái Lan như là hậu quả sau một thời gian nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái và ảnh hưởng của nó đến các nước DNA khác.

Điểm lại một vài diễn biến quan trọng

Vào tháng 3.1997 Thái Lan tuyên bố thâm hụt 373 tỷ baht hay 8% GDP.

3.3: Chính phủ quyết định đóng cửa thị trường chứng khoán Bangkok và "Tuần lễ đen" của Thái Lan bắt đầu.

9.4: đồng baht giảm tới mức thấp nhất trong 7 năm qua (26,08

tuyên bố thả nổi đồng peso.

28.7: Thống đốc ngân hàng trung ương Thái Lan từ chức.

5.8: 42 ngân hàng và các công ty tài chính Thái bị chính phủ đình chỉ hoạt động. Thái Lan chấp thuận kế hoạch cứu vãn nền kinh tế do IMF đề nghị.

10.8: 58 trong số 91 công ty tài chính và ngân hàng bị đóng cửa tại Thái Lan.

11.8: Hội nghị tài trợ đa phương quốc tế diễn ra tại Tokyo thông qua một khoản tiền 16 tỷ USD cho Thái Lan.

14.8: Chính phủ Indonesia quyết định thả nổi đồng rupiah (đồng tiền này đã bị mất giá tới 19% so với đồng USD, trên 3000 rupiah = 1USD).

Đâu là nguyên nhân trực tiếp?

Để duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh trong suốt giai đoạn 1985 - 95, nền kinh tế Thái Lan đã phải dựa chủ yếu vào nguồn vốn vay rẻ từ bên ngoài, đặc biệt là vay ngắn hạn, chiếm đến 45%. Tâm lý các nhà kinh doanh là muốn đầu tư vào ngành gì để sinh lợi nhanh nhất. Thế là các công ty tài chính, các ngân hàng thương mại không ngần ngại cho vay

ồ ạt vào các ngành xây dựng nhà hàng, khách sạn và kinh doanh bất động sản. Và rồi điều gì phải đến đã đến, một khi cung lớn hơn cầu cùng với xuất khẩu giảm mạnh vào năm 96 kéo theo đầu tư giảm thị trường bất động sản đã bắt đầu nguội lạnh, khách sạn, nhà hàng ế ẩm, văn phòng không người thuê mướn. Chỉ tính riêng tại khu vực trung tâm Bangkok hiện có 400.000 căn hộ văn phòng vẫn còn bị bỏ trống, hàng triệu m² diện tích cao ốc không người thuê. Các nhà đầu tư kinh doanh bất động sản bằng vốn vay ngân hàng hoặc phát hành trái phiếu thì nay không trả nổi các khoản nợ do giá trị tài sản đầu tư của họ giảm xuống và thế là một cuộc khủng hoảng tài chính đã diễn ra. Bắt đầu là Finance One, một công ty tài chính hàng đầu của Thái Lan đã tuyên bố phá sản vào tháng 3 năm nay kéo theo một phản ứng dây chuyền gồm hơn 40 công ty nữa. Hầu hết các ngân hàng đã bị cạn vốn và ngành tài chính phải thua lỗ tới 14 tỷ USD. Sức mạnh của Thái Lan phút chốc tan biến, nền kinh tế đã căng lên như một trái bóng và bây giờ bắt đầu vỡ ra.

Đâu là nguyên nhân sâu xa?

Từ cuối năm 95, nền kinh tế Thái Lan đã có những biểu hiện sa sút do sự lựa chọn chiến lược tăng trưởng nhanh, chỉ tập trung vào các vấn đề kinh tế mà ít quan tâm đến các vấn đề xã hội. Sang năm 96, nền kinh tế chững lại, tốc độ tăng trưởng chỉ còn 7%, xuất khẩu giảm mạnh và vẫn tiếp tục (dự kiến năm 97 sẽ giảm một nửa so với năm 96). Đặc biệt các mặt hàng được coi là có lợi thế của Thái Lan như: dệt, may mặc, nhựa...mất hẳn khả năng cạnh tranh với các thị trường mới đang nổi lên trong khu vực. Thiếu nguồn nhân lực

TỪ CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH Ở THÁI LAN ĐẾN BIẾN ĐỘNG TIỀN TỆ Ở ĐÔNG NAM Á NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU QUẢ

PGS.PTS. HOÀNG THỊ CHÍNH

baht = 1USD)

15.5: các tay đầu cơ tiền tệ quốc tế tấn công vào đồng baht.

19.6: Bộ trưởng tài chính Amnuay Viravan từ chức.

20.6: một giám đốc Ngân hàng quân sự Thái Lan, ông Thamong Bidiya được cử làm Bộ trưởng tài chính mới.

25.6: Chính phủ Thái đã đưa ra chương trình ngân sách cho năm tới theo hướng tăng thu giảm chi.

27.6 Ngân hàng Thái Lan (BOT) ra lệnh cho 16 trong số các công ty tài chính đang bị khủng hoảng phải ngưng hoạt động.

2.7: Ngân hàng trung ương quyết định thả nổi đồng baht sau gần 20 năm theo đuổi chính sách ổn định tỷ giá hối đoái. Giá đồng baht giảm tới mức thấp nhất trong 12 năm qua (29,55 baht = 1USD).

11.7: Chính phủ Philippines



có trình độ chuyên môn sâu để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế đang chuyển đổi từ sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm sử dụng nhiều lao động sang sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm kỹ thuật cao, các chính sách kinh tế vĩ mô chưa được điều hành một cách đồng bộ, chưa xây dựng được một hệ thống tài chính đủ mạnh tương xứng với sự tăng trưởng kinh tế; tự do kinh doanh mà thiếu kế hoạch lâu dài; vai trò của chính phủ chưa thể hiện rõ mà chủ yếu là để các chủ doanh nghiệp tự quyết định. Các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ chưa được đầu tư đúng mức; chưa chú trọng khai thác nguồn vốn trong nước; việc tự do hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế nhưng chưa tính đến đầy đủ điều kiện và hoàn cảnh của mình; sản phẩm xuất khẩu phần lớn dựa vào nguyên liệu nhập khẩu... và cuối cùng không thể không nói đến yếu tố chính trị. Đó là một sự bất ổn tiềm tàng (3 năm liên tiếp thay đổi chính phủ; chỉ có 2 năm mà phải tới 5 lần thay đổi bộ trưởng bộ tài chính). Thật đáng suy nghĩ khi một tờ báo nước ngoài đã nhận xét "Đa số các chính khách Thái Lan đều muốn nắm quyền lực để bù lại những chi phí khổng lồ mà họ đã phải bỏ ra trong các cuộc vận động tranh cử"... Rõ ràng những yếu điểm trên đây của Thái Lan chính là căn nguyên sâu sa dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính vừa qua.

Và hậu quả của nó

Đối với Thái Lan trước hết phá giá đồng baht có lợi cho xuất khẩu, nhất là những sản phẩm nông nghiệp và những sản phẩm có giá trị thấp mà sản xuất không đòi hỏi nhiều nguyên liệu nhập khẩu. Kể đến, một khi đồng baht xuống giá sẽ có lợi cho các nhà đầu tư của Thái Lan ở nước ngoài vì khi họ đem đồng USD về nước sẽ đổi được nhiều đồng baht hơn. Cuối cùng, sự mất giá đồng baht làm cho khách du lịch đến Thái Lan cảm thấy đây là một thị trường rẻ hơn, hấp dẫn hơn.

Tuy nhiên, phá giá đồng baht đã làm xáo trộn toàn bộ nền kinh tế đất nước cùng nếp sinh hoạt của người dân Thái.

Thứ nhất, giá cả tăng, người dân đổ xô mua hàng tích trữ, nhất là những mặt hàng thiết yếu, tạo nên sự khan hiếm giá tạo. Trong khi đó, tiêu dùng trên thực tế thì giảm hẳn xuống, người dân phải đắn đo suy nghĩ trước khi quyết định mua một món hàng gì đó.

Thứ hai, lạm phát sẽ tăng lên, có thể lên đến 10% trong năm nay (là dự báo lạc quan nhất). Giá vàng cũng đồng thời tăng cao nhất trong 12 năm qua.

Thứ ba, xuất khẩu các mặt hàng sử dụng nhiều nguyên liệu nhập và

vốn của nước ngoài sẽ trở nên khó khăn hơn vì đắt hơn.

Thứ tư, nợ nước ngoài sẽ tăng lên do phải trả bằng ngoại tệ (dự kiến tăng 240 triệu USD do đồng baht mất giá).

Thứ năm các nhà đầu tư sẽ không có lợi khi đổi từ đồng baht sang đồng ngoại tệ để chuyển về nước. Điều này có thể sẽ làm giảm khả năng đầu tư của các đối tác nước ngoài.

Thứ sáu, thất nghiệp sẽ tăng lên và thu nhập của người lao động sẽ giảm đi do các công ty phải thu hẹp sản xuất, giảm lương công nhân do làm ăn thua lỗ...

Đối với các nước trong khu vực, đồng baht mất giá kéo theo khủng hoảng tiền tệ ở một loạt các nước ĐNÁ, làm cho các đồng tiền ở những nước này cũng bị mất giá theo. Để cứu nguy cho đồng tiền nước mình, chính phủ các nước này đã phải áp dụng các biện pháp tăng thuế như bán hạ giá đồng dolla, tăng lãi suất để hỗ trợ cho đồng nội tệ hoặc mua đồng nội tệ...

Trước hết là Philippines, một đất nước có nền kinh tế mới phục hồi vài ba năm gần đây lại có lượng dự trữ ngoại tệ khá mỏng (chỉ có 10,3 tỷ USD) nên lập tức bị ảnh hưởng và chịu một áp lực khá mạnh trước đồng peso bị mất giá. Đến ngày 11.7, chính phủ nước này phải tuyên bố phá giá đồng peso, (29,75 peso = 1 USD), giảm 11,5%. Gần đây chính phủ Philippines còn thực hiện liên kết với quỹ tài chính ASEAN để ngăn chặn sự sụt giá của đồng peso.

Đồng ringgit của Malaysia cũng bị chao đảo. Ngày 11.8, những 2.700 ringgit mới đổi được một USD. Đây là mức thấp nhất trong 40 tháng qua. Ngoài việc chi ra hơn 2 tỷ USD để hỗ trợ cho đồng ringgit, chính phủ Malaysia đã phải quy định chỉ cho phép các ngân hàng thực hiện những giao dịch phi thương mại với trị giá cao nhất là 2 triệu USD để chống lại tình trạng đầu cơ đồng ringgit.

Đồng rupiah của Indonesia từ 2.593 rupiah = 1 USD, rớt dần, đến ngày 12.8 chỉ còn 2.682 rupiah = 1 USD. Mặc dù ngân hàng trung ương cũng đã phải tung ra hàng tỷ USD để giữ tỷ giá hối đoái ở mức cao hơn nhưng cuối cùng, ngày 14.8, chính phủ nước này cũng phải tuyên bố thả nổi đồng tiền của mình. Gần đây, để đối phó với nạn đầu cơ tiền tệ làm mất giá đồng rupiah, chính phủ Indonesia đã quyết định sẽ áp dụng án tử hình đối với những kẻ đầu cơ.

Vì có dự trữ ngoại tệ khá lớn (28 tỷ và 21 tỷ USD) nên nền tài chính của Malaysia và Indonesia không bị chao đảo quá mức do các đồng ringgit và đồng rupiah bị mất giá.

Đồng dollar Singapore cũng

không nằm ngoài quỹ đạo của cuộc khủng hoảng. Từ 1430 SGD = 1 USD đến 1520 SGD = 1 USD ngày 12.8, tức là mức thấp nhất từ tháng 7.1994. Tuy nhiên vì nền kinh tế của Singapore khá mạnh nên chính phủ nước này chủ trương không can thiệp vào thị trường ngoại hối mà mặc nhiên để cho đồng tiền của mình giảm giá, làm tăng khả năng cạnh tranh của Singapore trên thị trường thế giới, có lợi cho các nhà sản xuất và xuất khẩu.

Đồng baht mất giá chẳng những làm ảnh hưởng đến giá trị các đồng tiền của các nước ĐNÁ, mà còn ảnh hưởng đến cả đồng dollar Hồng Kông, đồng won Hàn Quốc và đồng yên Nhật Bản, vốn là những đồng tiền mạnh trong khu vực (thứ dụ năm 96 chỉ có 815 won đã đổi được 1 USD, còn bây giờ có lúc phải hơn 900 won mới đổi được 1 USD).

Đồng baht mất giá gây ra phản ứng dây chuyền như trên là do sự hoạt động đầu cơ của các tay buôn tiền quốc tế. Người ta ước tính hiện có khoảng 3.000 quỹ tiền tệ nước ngoài sẵn sàng tham gia vào các cuộc tấn công tiền tệ ở châu Á, trong đó chủ yếu là của Mỹ. Họ mua tích trữ đồng dollar và bán đổ bán tháo đồng tiền của các nước ĐNÁ. Đằng sau những cuộc tấn công đó, người ta nói nhiều đến George Soros, một nhà tỷ phú người Mỹ gốc Hungary với giá trị tài sản ước lượng 12 tỷ USD như là kẻ trực tiếp gây ra những mất ổn định trên thị trường tiền tệ châu Á. Mục đích của George Soros là muốn trừng phạt các nước ASEAN vì tội kết nạp Mianma - một nước mà theo ông ta là "vi phạm nhân quyền". Vai trò của George Soros quả thật là quan trọng bởi vì chỉ sau khi ông ta đưa ra lời nhận xét "sự chao đảo trên thị trường ngoại hối ở các nước ĐNÁ sẽ sớm chấm dứt" lập tức vào những ngày cuối tháng 8 này, giá trị các đồng tiền đều đã nhích lên.

Ngoài George Soros, còn có một loạt quỹ đầu tư lớn khác của Mỹ như Tiger, Orbis, Puma, Panther, Jaguar... cũng nhảy vào ĐNÁ bằng cách tung ra bán những đồng tiền của các nước này, góp phần làm cho cuộc khủng hoảng tiền tệ trong khu vực thêm trầm trọng.

Bên cạnh đó, nền kinh tế quá nóng ở một số nước ASEAN, nhất là trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế đang bắt đầu chậm lại cũng là những nguyên nhân dẫn đến tình trạng hỗn loạn trên thị trường tài chính.

Cũng giống như Thái Lan, đồng tiền mất giá ở các nước ASEAN tuy có tác dụng tích cực là thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và khoáng sản nhưng xuất khẩu các sản phẩm mà nguyên liệu phụ tùng phải

nhập khẩu như các sản phẩm chế tạo, máy móc thiết bị... lại gặp nhiều khó khăn do giá cả các yếu tố đầu vào đã tăng lên.

Sau cuộc biến động tiền tệ này, người ta dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước ĐNÁ sẽ chậm lại nhưng vững chắc hơn.

Giải pháp nào cho Thái Lan?

Trước mắt, để cứu vãn tình hình bất ổn tài chính, chính phủ Thái đã phải sử dụng những biện pháp tình thế như tung ra 6 tỷ USD dự trữ để đồng baht không bị rớt giá; ra lệnh cho 15 ngân hàng thương mại không được vay tiền bằng đồng baht để tạo sự khan hiếm làm cho giá đồng baht sẽ tăng lên; áp dụng hệ thống hai tỷ giá hối đoái để hạn chế các tay đầu cơ nước ngoài buôn bán đồng baht...

Tuy nhiên, với tiềm lực và thực trạng nền kinh tế của mình, Thái Lan không thể chấm dứt cuộc khủng hoảng nếu không có sự can thiệp của các tổ chức tiền tệ quốc tế và sự giúp đỡ của các nước khác. Trong một hội nghị quốc tế ngày 11.8 vừa qua tại Tokyo, Quỹ tiền tệ quốc tế và 10 quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã cam kết giúp đỡ Thái Lan 16 tỷ USD để khắc phục cuộc khủng hoảng tài chính ở nước này. Cái gì cũng phải có cái giá của nó. Để nhận được sự tài trợ của IMF, Thái Lan phải cam kết thực hiện các điều kiện như: đóng cửa các công ty tài chính có vấn đề; bảo đảm mức dự trữ ngoại tệ tối thiểu là 25 tỷ USD; giữ mức thâm hụt tài khoản vãng lai bằng 5% GDP trong năm 97, 3% vào năm 98; cắt giảm ngân sách (ít nhất là 2,4 tỷ USD) trong tài khóa 97 - 98, nhưng không cắt giảm chi phí về giáo dục, cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội; nâng mức thuế trị giá gia tăng từ 7% đến 10%; bảo đảm mức độ tăng trưởng GDP từ 3% đến 4% trong các năm 97 và 98; và lạm phát phải được kim hãm ở mức 8% - 9%. Dưới con mắt của người dân Thái thì các điều kiện mà IMF đưa ra trên đây là quá khắt khe, thể hiện sự can thiệp quá sâu của tổ chức này vào công việc nội bộ của Thái Lan. Nhưng biết làm sao được một khi không có sự giúp đỡ của IMF liệu rằng nền kinh tế Thái Lan có phục hồi được hay không? Thôi thì đành "nhắm mắt đưa chân", âu cũng là cái giá phải trả cho những sai lầm trong phát triển kinh tế của mình vậy!

Sẵn có nguồn vốn dồi dào và đã từ lâu là những nhà đầu tư số 1 vào Thái Lan (hiện nay, Nhật Bản là chủ nợ lớn nhất của Thái Lan, chiếm 1/4 tổng số nợ và cũng là nhà đầu tư lớn nhất, khoảng 40% vốn đầu tư của nước ngoài tại Thái Lan là của Nhật Bản) Nhật Bản nổi lên như một người hùng mà chính phủ Thái Lan có thể

trông đợi để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính. Chuyển viếng thăm Nhật Bản của tân bộ trưởng tài chính Bidaya Thamong vào trung tuần tháng 7 vừa qua chính là nhằm mục đích đó. Giúp Thái Lan khắc phục được hậu quả của cuộc khủng hoảng sẽ làm cho Nhật Bản đỡ bị mất bao nhiêu tiền của mà họ đã đổ vào đây, đồng thời duy trì được vai trò đầu tàu của mình trong việc giúp đỡ các nước đang phát triển, đặc biệt đối với thị trường tài chính mới nổi lên ở các nước này, nâng cao uy tín của Nhật Bản trên trường quốc tế. Đó là một trong những nhiệm vụ chiến lược mà chính phủ của ông Hashimoto đang theo đuổi. Vì thế Nhật Bản sẵn sàng giúp đỡ Thái Lan vượt qua cơn khốn khó bằng cách cho vay một khoản tín dụng lớn và nói rộng thời hạn cho vay đối với các công ty tài chính của Thái Lan.

Các giải pháp mà chính phủ Thái Lan đã áp dụng trên đây chỉ là những giải pháp chữa cháy, mang tính chất tình thế, cũng giống như một loại thuốc chỉ có thể làm hạ được cơn sốt đang bùng lên mà thôi. Còn muốn trị nguyên nhân gây ra căn bệnh phải đòi hỏi một loại thuốc khác. Đó là một chính sách vĩ mô của chính phủ chẳng những có khả năng điều tiết các vấn đề kinh tế như: lạm phát, tăng trưởng, lãi suất, ngân sách, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán v.v... mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội như: công ăn việc làm, môi trường, phúc lợi xã hội v.v... Một chiến lược phát triển toàn diện nguồn nhân lực bao gồm cả đào tạo mới và đào tạo lại; một chính sách khuyến khích tiết kiệm, gia tăng đầu tư bằng nguồn vốn trong nước; và cuối cùng là một bộ máy lãnh đạo mang tính ổn định cần thiết chỉ bao gồm những người có đức, có tài, toàn tâm vì đất nước. Cứ theo một nhận xét gần đây của Phó thủ tướng Thái Lan, ông V.Ramangkura, thì nền kinh tế nước này phải cần đến 3 năm mới có thể hồi phục được. Trước mắt cần giải quyết các vấn đề sau: ổn định dự trữ ngoại hối; giảm thâm hụt cán cân thanh toán; chấn chỉnh khu vực tài chính; đẩy mạnh xuất khẩu; quản lý chặt ngoại hối; giảm chi tiêu chính phủ.

Với các biện pháp tác động trên đây cùng với sự giúp đỡ từ bên ngoài, nền kinh tế Thái Lan được dự báo có tốc độ tăng trưởng 4% trong năm nay, chấm dứt thời kỳ tăng trưởng phi mã trong mười mấy năm qua.

Bài học nào cho VN?

Tác động của cuộc khủng hoảng tài chính ở ĐNÁ vừa qua đối với VN chưa có gì rõ rệt. Có chăng là khả năng cạnh tranh một số sản phẩm xuất khẩu của ta sẽ bị giảm đi (thí dụ

gạo ta so với gạo Thái chẳng hạn). Về vấn đề này nên chăng chính phủ VN cần xem xét lại TGHĐ hiện nay vì trên thực tế đồng VN được đánh giá khá cao so với đồng dollar, làm giảm khả năng xuất khẩu.

Ảnh hưởng của sự biến động tiền tệ vừa qua đối với VN còn ít là do thị trường tài chính của ta chưa phát triển đầy đủ, ta chưa có thị trường chứng khoán, hơn nữa đồng VN chưa phải là đồng tiền chuyển đổi. Do đó, trong quan hệ tài chính mậu dịch và thanh toán ta không giao dịch trực tiếp bằng các đồng tiền của các nước ĐNÁ. Tuy vậy, trong tương lai, với sự phát triển đầy đủ các thị trường tài chính, với AFTA sẽ trở thành hiện thực, nếu có một cuộc khủng hoảng tương tự xảy ra ở một nước nào đó trong khu vực chắc chắn lúc đó VN không thể đứng ngoài cuộc.

Từ việc phân tích các nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng tài chính của Thái Lan, chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng VN cũng có những vấn đề tiềm ẩn là nguy cơ dẫn đến một cuộc khủng hoảng tương tự: đó là một nền kinh tế nóng với tốc độ tăng trưởng cao; vốn nước ngoài đổ vào nhiều nhưng lại không cân đối giữa các ngành và sử dụng kém hiệu quả; thiếu một đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao; các vấn đề xã hội như: ách tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, phân hóa giàu nghèo, tham nhũng... đang làm nhức nhối bao người.

Sớm nhận biết được những nguy cơ đó để có một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn nhằm tránh được những tác động tiêu cực, phòng ngừa các cuộc khủng hoảng là việc làm thật sự cần thiết đối với chúng ta.

Cuộc khủng hoảng tài chính của Thái Lan và sự biến động tiền tệ ở một loạt các nước ĐNÁ cho thấy mối quan hệ kinh tế - tài chính - tiền tệ giữa các nước hiện nay trên thế giới, nhất là các nước trong khu vực thật là gắn kết. Bất cứ một biến động về kinh tế - chính trị - xã hội xảy ra ở nước nào đó cũng lập tức ảnh hưởng đến các nước khác. Tình trạng sẽ tràn lan như một dịch bệnh và hậu quả càng nghiêm trọng hơn nhất là khi có sự can thiệp của các thế lực lũng đoạn tài chính và tiền tệ quốc tế. Do đó, mức độ hội nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực, việc tự do hóa thương mại cùng với việc phát triển các loại thị trường tài chính cần phải được xem xét hết sức thận trọng, không thể nóng vội, phải xuất phát từ yêu cầu, điều kiện, thực lực và trình độ cụ thể của đất nước. Nếu không, chắc chắn chúng ta sẽ phải gánh chịu những hậu quả khôn lường một khi có biến động xấu xảy ra ■